TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2020/HNGĐ - ST
Ngày 17/4/2020
"V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lục Thị Chiêm

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Tiếu

2. Bà Tưởng Thị Thu

Thư ký Toà án: Ông Dương Văn Tiến – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2019/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc: xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST –DS ngày 04 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST – HNGĐ ngày 19/3/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn BC, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang
Hiện tạm trú: Xóm 23, xã KP, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Hà Tiến D, sinh năm 1989 (tên gọi khác: Hà Văn Nh); địa chỉ: Thôn BC, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt không có lý do, đã được triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 02/12/2019, nội dung bản tự khai ngày 26/12/2019 và tại phiên hòa giải lập ngày 06/01/2020, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và Hà Tiến D qua tự nguyện, tự do tìm hiểu đã kết hôn năm 2010 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 02/12/2010 do UBND xã Yên Lập, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang cấp. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống tại Thôn BC, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, xảy ra nhiều bất đồng trong cuộc sống hàng ngày, Anh D thường chơi bời, cờ bạc không quan tâm đến kinh tế và hạnh phúc của gia đình dẫn tới vợ chồng ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Tiến D.

- Về con chung: Có 01 người con là Hà Thị AT, sinh ngày 08/9/2011, hiện đang sống cùng chị L, khi ly hôn chị L đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu Anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, bị đơn anh Hà Tiến D đều vắng mặt, Tòa án đã tống đạt hợp lệ và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định. Anh D cũng không có văn bản thể hiện quan điểm về vụ án gửi tới Tòa án. Do anh Hà Tiến D vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành lập các Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và Biên bản không tiến hành hòa giải được theo đúng quy định. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) và giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn chưa thực hiện quy định về nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ các Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L, cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Hà Tiến D (tên gọi khác Hà Văn Nh); về con chung: Giao cháu Hà Thị AT, sinh ngày 08/9/2011 cho chị Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của con). Anh Hà Tiến D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: đều không có. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho ly hôn với anh Hà Tiến D (tên khác Hà Văn Nh), giải quyết về tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn; anh Hà Tiến D có hộ khẩu thường trú tại Thôn BC, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng

dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L chấp hành đầy đủ việc Tòa án triệu tập theo quy định, tại phiên tòa chị L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của BLTTDS. Bị đơn Hà Tiến D vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án mặc dù đã được triệu tập, tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định. Tại các Biên bản xác minh lập ngày 02/3/2020 (BL số 35 + 36) đối với bà Hà Thị H – chức vụ: Công chức Tư pháp hộ tịch của UBND xã Yên Lập, huyện Chiêm Hóa và ông Hà Đức Ng, sinh năm 1950, trú tại: Thôn BC, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (là bố đẻ của bị đơn anh Hà Tiến D) xác định anh Hà Tiến D vắng mặt khỏi địa phương và gia đình, đến nay UBND xã Yên Lập và gia đình Anh D không biết Anh D cư trú, làm việc tại đâu. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn Hà Tiến D.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Hà Tiến D là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Lập, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 02/12/2010. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L và Anh D phát sinh từ năm 2013, nguyên nhân: Do không hòa hợp về tính cách và bất đồng về cách làm ăn, kinh tế trong gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng không thể dàn hòa được, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với Anh D để giải phóng về quan hệ hôn nhân.

Qua điều tra xác minh, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và Anh D là thực tế. Tại các biên bản xác minh do Tòa án lập ngày 02/3/2020 thấy rằng chị L và Anh D đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa, đời sống chung và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn Anh D (tên khác: Hà Văn Nh).

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Hà Thị AT, sinh ngày 08/9/2011, cháu Thư ở cùng chị L kể từ khi vợ chồng ly thân, nay ly hôn chị L đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và theo nguyện vọng của con, HĐXX áp dụng các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Hà Thị AT cho chị Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và không phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung từ anh Hà Tiến D. Anh Hà Tiến D có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn theo quy định.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: không có, HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Hà Tiến D (tên gọi khác: Hà Văn Nh).

2. Về con chung: Giao cháu Hà Thị AT, sinh ngày 08/9/2011 cho chị Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Hà Tiến D (tên khác: Hà Văn Nh) không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh Hà Tiến D (tên gọi khác: Hà Văn Nh) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)*. Đối với số tiền 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)* do chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0001964 ngày 02/12/2019 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (chị L đã nộp đủ tiền án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND Tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã YL, H. Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (Nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lục Thị Chiêm